

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 02/2019/QĐST-KDTM

Trà Ôn, ngày 18 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08/11/2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 259/2019/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N**

Địa chỉ: quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: bà Nguyễn Thùy L. Chức vụ: Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh Chi nhánh huyện T, địa chỉ: khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long – Là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/11/2019).

- *Bị đơn:* Ông **Lê Minh T1**, sinh năm 1965.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1969.

2/ Chị **Lê Thị Mỹ H1**, sinh năm 1986.

3/ Anh **Lê Hữu V**, sinh năm 1988.

Người đại diện hợp pháp của chị H1, anh V là bà Đỗ Thị H – đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/11/2019)

Cùng địa chỉ: khu M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn ông Lê Minh T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền vốn gốc 1.100.000.000đ (*Một tỷ một trăm triệu đồng*) và lãi tính đến ngày 31/8/2019 là 226.569.000đ (*Hai trăm hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng*) tổng cộng vốn lãi 1.326.569.000đ (*Một tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng*) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo tín dụng số 7305LAV201705896 ngày 26/10/2017 cho đến khi trả hết nợ.

Nếu ông T1, bà H không trả hoặc trả không hết số tiền trên thì ông T1, bà H, chị H1 và anh V có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp bao gồm tài sản chính chủ là Sà lan số đăng ký VL9369 do sở Giao thông Vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 03/12/2007 theo hợp đồng thế chấp số 082757792.03 ngày 22/4/2015 và phụ lục số 7305LCL201502254 ngày 26/10/2017; Quyền sử dụng đất thửa đất số 75, tờ bản đồ số 13, diện tích 155,1m² trong đó có 120m² đất thổ và 35,1m² đất vườn do ông Lê Minh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 082757792.01 ngày 22/4/2015 và phụ lục số 7305LCL201502255 ngày 26/10/2017. Và tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất thửa đất số 16, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.028,6m² loại đất trồng cây hàng năm khác và thửa đất số 155, tờ bản đồ số 15, diện tích 307,5m² loại đất trồng cây lâu năm do hộ bà Đỗ Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 082757792.02 ngày 22/4/2015 và phụ lục số 7305LCL201703715 ngày 26/10/2017; quyền sử dụng đất thửa đất số 66, tờ bản đồ số 6, diện tích 131,4m² loại đất ở tại đô thị do bà Đỗ Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7305LCL201703717 ngày 26/10/2017, đất cùng tọa lạc tại khu M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cho Cơ quan thi hành án bán đấu giá để thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Minh T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 25.898.535đ (*Hai mươi lăm triệu tám trăm chín mươi tám nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng*) nhưng ông T1, bà H có đơn xin giảm án phí do gặp sự kiện bất khả kháng có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn T theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên được giảm 50% phần án phí mà ông T1, bà H có nghĩa vụ nộp là 6.474.634đ (*Sáu triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi bốn đồng*). Còn lại ông T1, bà H có nghĩa vụ nộp 19.423.901đ (*Mười chín triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn chín trăm lẻ một đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền 22.500.000đ (*Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0015689 ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga